

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 46/2021/DS-GĐT

Ngày 08/7/2021

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn và ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Quang Th, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1978; địa chỉ: T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phạm Thị Hoài Ph, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Khu Trung tâm hành chính huyện C, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn P – Phó phòng tài nguyên và môi trường huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Buôn Kram, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1988, chức vụ Công chức địa chính xây dựng – Nông nghiệp và môi trường E.

- Công ty Cổ phần C – Nông trường 19/8; địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn H – Chức vụ: Nhân viên Phòng kỹ thuật sản xuất.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa ông Nguyễn Đức T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 1990, vợ chồng ông Th và bà Th có ký Hợp đồng với Công ty Cổ phần C - Nông trường 19/8 (gọi tắt là Nông trường) về việc trồng mới và chăm sóc cây cà phê với diện tích 900 m², khi đó lô đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của Nông trường (nay thuộc thửa đất số 7026, tờ bản đồ số 32 tại thôn 09, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk). Thời gian hợp đồng là 15 năm. Đang trong giai đoạn thực hiện Hợp đồng thì UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 29/10/1997 về việc thu hồi 80 ha đất của Nông trường giao cho UBND huyện Krông Ana quản lý, trong đó có 900 m² đất nói trên (thời điểm này chưa hết thời hạn hợp đồng giữa gia đình ông Th, bà Th với Nông trường). Sau khi UBND tỉnh thu hồi đất của Nông trường giao cho UBND huyện Krông Ana (nay là huyện C) quản lý, gia đình ông Th, bà Th tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất này. Không biết vì lý do gì, năm 2004 Nông trường buộc gia đình ông Th, bà Th phải bàn giao đất cho Nông trường, trong khi đó, diện tích đất này UBND tỉnh đã thu hồi, không thuộc quyền quản lý của Nông trường nữa. Một thời gian sau, gia đình ông Th, bà Th thấy hộ bà Đặng Thị N canh tác và sử dụng thửa đất trên. Nhận thấy việc gia đình bà Đặng Thị N chiếm dụng, canh tác thửa đất 7026, tờ bản đồ số 32 là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Th, bà Th nên gia đình ông Th, bà Th đã nhiều lần yêu cầu gia đình bà N phải trả lại diện tích đất đang sử dụng nhưng gia đình bà N không thực hiện mà vẫn cố tình canh tác, sử dụng thửa đất trên từ năm 2009 cho đến nay.

Việc bà Đặng Thị N canh tác, sử dụng diện tích đất trên là do vào năm 2009, Nông trường có ký hợp đồng giao khoán với bà Đặng Thị N và giao cho bà N canh tác, sản xuất. Như vậy, Nông trường ký hợp đồng giao khoán với hộ bà N là trái quy định của pháp luật, vì thửa đất này nằm trong diện tích đã được UBND tỉnh thu hồi, không thuộc quyền sử dụng của Nông trường nữa. Hiện nay gia đình bà Đặng Thị N đang làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc làm này là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình

ông Th, bà Th. Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 15 Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 thì diện tích đất thu hồi của các Công ty Nông, Lâm nghiệp được ưu tiên giải quyết cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương không có đất hoặc thiếu đất sản xuất, người đang nhận giao khoán trực tiếp sản xuất được giao đất hoặc thuê đất. Như vậy, việc giao đất, cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên phải ưu tiên cấp cho ông Th, bà Th mới phù hợp, bởi vì tại thời điểm UBND tỉnh thu hồi đất giao về cho địa phương quản lý (Quyết định số 2265/QĐ-UBND, ngày 29/10/1997) thì ông Th, bà Th đang là người nhận giao khoán trực tiếp sản xuất.

Do đó, đề nghị Tòa án buộc gia đình bà Đặng Thị N phải giao trả lại thửa đất số 7026, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại thôn 09, xã E, huyện C, tỉnh ĐL cho gia đình ông Th, bà Th tiếp tục canh tác, quản lý, sử dụng và kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Tại địa phương ông Th và bà Th không thuộc đối tượng chính sách gì.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn không đồng ý vì quyền sử dụng đất là của nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Ủy ban nhân dân huyện chứ không phải của Tòa án nhân dân.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Đặng Thị N do bà Phạm Thị Hoài Ph là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Năm 2009 bà Đặng Thị N có nhận đất giao khoán của Công ty cao su ĐL Lắc - Nông trường 19/8 (gọi tắt là Nông trường) với diện tích 858 m² theo biên bản Hợp đồng chăm sóc cà phê ký kết với Nông trường vào ngày 05/01/2009 (nay là thửa đất số 7026, tờ bản đồ số 32 tại thôn 09, xã E, huyện C, tỉnh ĐL Lắc). Thửa đất này có nguồn gốc trước đây Nông trường ký hợp đồng với ông Lê Quang Th vào năm 1998 và ông Th đề nghị thanh lý hợp đồng vào năm 2009, sau đó Nông trường ký Hợp đồng và giao đất cho bà N vào ngày 05/01/2009 và bà N đã sử dụng trồng cà phê, tiêu và đã nộp sản lượng thuế và thực hiện các thủ tục về đất đai cho Nông trường và Nhà nước từ đó cho đến nay không có ai tranh chấp. Sau khi nhận đất từ Nông trường thì trên đất có 140 cây cà phê đã già, không đạt sản lượng, năng suất nên bà N nhổ bỏ để trồng cà phê và trồng xen cây tiêu và một số cây ăn trái, ngoài ra không có công trình xây dựng gì.

Ngày 13/3/2014, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1072/QĐUBND về việc quản lý, bố trí sử dụng 10.995 m² đất (trong đó thửa đất số 7026, tờ bản đồ số 32) mà ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi của Nông trường bàn giao về địa phương để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những hộ gia đình đang sử dụng đất nên vợ chồng ông Th, bà N mới phát sinh tranh chấp. Thời điểm bà N ký Hợp đồng với Nông trường cao su để nhận đất

giao khoán thì không có hộ gia đình, cá nhân nào tranh chấp. Theo nội dung Quyết định này thì hộ bà Đặng Thị N là người đang quản lý và sử dụng thửa đất nói trên nên là đối tượng được công nhận và cấp quyền sử dụng đất. Do đó, ông Lê Quang Th và bà Nguyễn Thị Th khởi kiện đề nghị bà Đặng Thị N trả lại diện tích đất mà bà N đang sử dụng là thửa đất số 7026, tờ bản đồ số 32 thì bà N không đồng ý. Đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 7026, tờ bản đồ số 32 cho bà Đặng Thị N.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2020 Ủy ban nhân dân huyện Krư Kuin do ông Đặng Văn P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Hộ bà Đặng Thị N là người trực tiếp quản lý và sử dụng đất đối với thửa đất số 7026, tờ bản đồ số 32 tại thôn 09, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk từ tháng 01/2009 đến năm 2014 thì phát sinh tranh chấp. Đất có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk giao không thu tiền sử dụng đất cho Nông trường để quản lý và sử dụng. Ngày 29/10/1997, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2266/QĐ-UBND thu hồi 80 ha đất của Nông trường giao cho Ủy ban nhân dân huyện Krông Ana quản lý, trong đó có diện tích thuộc thửa đất 7026, tờ bản đồ số 32. Bà N được Nông trường ký hợp đồng chăm sóc cà phê, đến ngày 13/3/2014 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định số 1072/QĐ-UBND về việc quản lý, bố trí sử dụng 10.995m² đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thu hồi của Nông trường bàn giao về cho địa phương. Theo Quyết định thì hộ bà N là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất này nên là đối tượng được công nhận quyền sử dụng đất, đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị N.

Tại bản tự khai ngày 19/5/2020 ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã E khai nội dung:

Thửa đất số 7026, tờ bản đồ 32 tại thôn 09, xã E, huyện C hiện tại do bà Đặng Thị N quản lý và sử dụng theo quy định. Nay bà N yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này thì Ủy ban nhân dân xã E đề nghị Tòa án căn cứ vào nội dung của Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 13/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc ban hành phương án, quản lý, bố trí sử dụng 10.995m² đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thu hồi của Nông trường giao cho Ủy ban nhân dân huyện quản lý, xử lý theo quy định để giải quyết việc tranh chấp giữa các đương sự.

Tại bản tự khai ngày 01/01/2020 ông Bùi Văn H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông trường Cao Su 19/8 trình bày:

Thửa đất số 7026, tờ bản đồ số 32 tại thôn 09, xã E, huyện C nằm trong tổng diện tích đất 10.995m² Nông trường đã ban giao cho Ủy ban nhân dân huyện C theo biên bản làm việc ngày 17/10/2013 trong đó có thửa đất số 7026 mà bà Đặng Thị N đang sử dụng. Trước đây thửa đất này Nông trường ký Hợp đồng giao khoán với ông Lê Quang Th để sử dụng, đến năm 2008 ông Th có đơn đề nghị thanh lý hợp đồng nên Nông trường đã lập biên bản thanh lý hợp đồng đối với ông Th. Ngày 05/01/2009 bà Đặng Thị N có đơn đề nghị ký hợp đồng đối với thửa đất mà ông Th đã thanh lý, (nay là thửa đất số 7026 thuộc tờ bản đồ số 32) nên Nông trường đã ký hợp đồng với bà N và giao cho bà N quản lý, sử dụng và bà N đã thực hiện các thủ tục về đất đai hợp pháp cho đến thời điểm bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện C. Còn đối với ông Th đã chấp dứt hợp đồng, do đó mọi phát sinh không liên quan đến Nông trường. Nay các bên tranh chấp đề nghị Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ xử lý theo quy định của pháp luật. Nông trường không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk, quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 144; 147; 157; 165; 203; 220; 235; 244; 266 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 17; 99; 100; 101,105, 203 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang Th và bà Nguyễn Thị Th đối với yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị N trả lại thửa đất số 7026, tờ bản đồ số 32 tại thôn 09, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đặng Thị N: Công nhận bà Đặng Thị N được quyền sử dụng thửa đất số 7026, tờ bản đồ số 32 (diện tích đo đạc thực tế là 1.093 m²) tại thôn 09, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk có vị trí tứ cận như sau: Phía Nam giáp đường liên xã dài 57,3 m; Phía Bắc giáp đất ông Long, bà Liệu đang sử dụng dài 57,9 m; Phía Đông giáp đất ông Hồng đang sử dụng dài 19,67 m; Phía Tây giáp đường liên thôn dài 18,3 m và toàn bộ các tài sản trên đất gồm: 126 cây tiêu leo trên cây muồng trồng năm 2014; 105 cây cà phê trồng năm 2013; 01 cây mít trồng năm 2018; 06 cây bơ năm 2017.

Bà Đặng Thị N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 232/2020/DS-PT ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định:

“...Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang Th và bà Nguyễn Thị Th.

1.1 Buộc bà Đặng Thị N phải trả lại cho ông Lê Quang Th và bà Nguyễn Thị Th thửa đất số 7026, tờ bản đồ số 32, diện tích 1.093 m² tại thôn 09, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có vị trí tứ cận như sau: Phía Nam giáp đường liên xã dài 57,3 m; Phía Bắc giáp đất ông Long, bà Liễu dài 57,9 m; Phía Đông giáp đất ông Hồng dài 19,67 m; Phía Tây giáp đường liên thôn dài 18,3m.

Ông Lê Quang Th và bà Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản trên đất gồm: 126 cây tiêu leo trên cây muồng trồng năm 2014; 105 cây cà phê trồng năm 2013; 01 cây mít trồng năm 2018; 06 cây bơ trồng năm 2017.

1.2 Buộc ông Lê Quang Th và bà Nguyễn Thị Th phải trả lại giá trị các tài sản trên đất cho bà Đặng Thị N là: 97.497.920 đồng.

2. Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đặng Thị N về việc công nhận quyền sử dụng thửa đất số 7026, tờ bản đồ số 32, diện tích 1.093 m², tại thôn 09, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk”.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 18/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được đơn của bà Đặng Thị N đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 232/2020/DS-PT ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 49/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 13/4/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 232/2020/DS-PT ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Năm 1990 ông Lê Quang Th ký Hợp đồng với Công ty Cổ phần C - Nông trường 19/8 diện tích đất 900m² (đo thực tế 1.093m²) để sử dụng và chăm sóc cây cà phê. Đến năm 2008 thì ông Th có Đơn đề nghị thanh lý hợp đồng này; ngày 05 tháng 01 năm 2009 Nông trường đã lập biên bản thanh lý hợp đồng đối

với ông Th; cùng ngày bà Đặng Thị N có Đơn đề nghị ký hợp đồng đối với diện tích đất mà ông Th đã thanh lý với Nông trường và Nông trường đã ký hợp đồng với bà N, giao toàn bộ thửa đất cho bà N quản lý, sử dụng cho đến nay. Bà N đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về đất đai cho Nông trường và Nhà nước.

[2] Ngày 13/3/2014, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1072/QĐ-UBND về việc quản lý, bố trí sử dụng 10.995m² đất đã thu hồi của Nông trường 19/8 để bàn giao về địa phương, trong đó có diện tích đất hiện nay các bên đang tranh chấp mà bà N đang sử dụng.

[3] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thì bà Đặng Thị N đã sử dụng thửa đất số 7026 ổn định từ tháng 01/2009 cho đến năm 2014 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1072/QĐ- UBND ngày 13/3/2014 về việc quản lý, bố trí sử dụng để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân đang quản lý và sử dụng. Căn cứ vào nội dung của Quyết định và trên thực tế bà Đặng Thị N là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất số 7026, tờ bản đồ số 32 nên là đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Th đã thanh lý hợp đồng với Nông trường và không sử dụng đất, không thực hiện các nghĩa vụ về đất đai từ năm 2009. Do đó, ông Th khởi kiện yêu cầu bà N trả lại đất là không có cơ sở.

[4] Đối với bà Đặng Thị N được Nông trường ký kết hợp đồng giao quản lý, sử dụng đất ổn định và là người thực hiện các nghĩa vụ về đất đai từ tháng 01 năm 2009 cho đến nay, quyền sử dụng đất đã được giao về cho địa phương để công nhận quyền sử dụng đất cho người đang trực tiếp sử dụng đất. Theo Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 13/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện C cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trên thực tế hiện tại thì bà Đặng Thị N là người đang quản lý và sử dụng đất, đại diện chính quyền địa phương cũng đề nghị công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N. Do đó, yêu cầu phản tố của bị đơn là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các Điều 99, 100, 103, 203 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận quyền sử dụng đất và kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 7026, tờ bản đồ 32 tại thôn 09, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho bà Đặng Thị N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Bản án dân sự phúc thẩm số 232/2020/DS-PT ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của ông Th, buộc bà Đặng Thị N phải trả lại cho ông Lê Quang Th, bà Nguyễn Thị Th thửa đất 7026, tờ bản đồ số 32 là không có căn cứ, không phù hợp với thực tế sử dụng đất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 2 Điều 343, Điều 344, Điều 348, Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 49/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 13/4/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;

Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 232/2020/DS-PT ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn là ông Lê Quang Th, bà Nguyễn Thị Th với bị đơn là bà Đặng Thị N.

2. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ;
- Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng GDKT -II.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tự